

PHƯƠNG ÁN

Bố trí, ổn định dân cư khẩn cấp vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;
2. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;
3. Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
4. Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo;
5. Thông báo số 71-TB/TU ngày 11/11/2025 của Tỉnh ủy Gia Lai về việc triển khai xây dựng phương án tổng thể bố trí, ổn định dân cư vùng thiên tai;
6. Thông báo Kết luận số 103-KL/TU ngày 06/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 10;
7. Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030;
8. Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Gia Lai thực hiện Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030;
9. Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND tỉnh về việc công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai; Quyết định số 2792/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh về việc công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai do bão và lũ (điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND tỉnh);

10. Quyết định số 73/2025/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện di dời, bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

II. THỰC TRẠNG CÁC VÙNG THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan làm gia tăng sạt lở, lũ quét, lũ ống; việc di dời tạm thời khi thiên tai xảy ra vừa tốn kém, vừa không bền vững. Đặc biệt, cơn bão số 13 (KALMAEGI) đã gây thiệt hại nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh, làm hư hỏng nhiều nhà ở và công trình hạ tầng thiết yếu, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sản xuất và đe dọa an toàn tính mạng Nhân dân, nhất là tại các khu vực ven biển, ven sông, suối, vùng trũng thấp và những địa bàn có nguy cơ cao về thiên tai.

Để chủ động phòng, chống thiên tai một cách căn cơ, lâu dài, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của Nhân dân, việc bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư ra khỏi các khu vực có nguy cơ cao về thiên tai là yêu cầu cấp bách.

III. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm: Bố trí, ổn định dân cư vùng thiên tai phải được thực hiện kiên quyết, kịp thời, theo nguyên tắc “phòng trước, di dời triệt để, an toàn tuyệt đối tính mạng Nhân dân”; đồng thời đảm bảo tính nhân đạo, công bằng, hiệu quả kinh tế - xã hội và tuân thủ quy hoạch, pháp luật về đất đai, xây dựng và môi trường. Không thực hiện chi trả trực tiếp bằng tiền mặt cho việc di dời nhằm thực hiện tập trung nguồn lực để xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà ở cho Nhân dân và bàn giao theo hình thức “chìa khóa trao tay”.

2. Mục tiêu chung: Hoàn thành bố trí, ổn định, nâng cao điều kiện sống cho các hộ dân nằm trong vùng thiên tai, đảm bảo an toàn về tính mạng, tạo điều kiện “an cư lạc nghiệp” cho người dân; đồng thời tổ chức lại sử dụng đất khu vực nguy hiểm (*nơi ở cũ*) theo quy hoạch, phục vụ các mục tiêu phòng, chống thiên tai và phát triển bền vững xã hội.

3. Mục tiêu cụ thể

- Bố trí, di dời các hộ dân thuộc khu vực đã xác định nguy cơ cao ra khỏi vùng thiên tai, bảo đảm an toàn tuyệt đối tính mạng và tài sản Nhân dân.

- Phân đầu hoàn thành toàn bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thiết yếu của các dự án bố trí dân cư trước ngày 31/3/2026.

- Hoàn thành việc bố trí tái định cư cho các hộ dân thuộc nhóm có nguy cơ cao trong năm 2026; các hộ còn lại được bố trí hoàn thành trước năm 2030, theo khả năng huy động và cân đối các nguồn kinh phí.

- Tổ chức đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, chuyển đổi nghề và hỗ trợ sinh kế bền vững cho người dân sau di dời, giảm nguy cơ tái nghèo.

IV. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Hình thức bố trí

- Đối với khu vực đã hình thành khu tái định cư: Việc bố trí, sắp xếp dân cư được thực hiện theo hướng tận dụng tối đa quỹ đất hiện có.

- Đối với khu vực chưa có khu tái định cư: Rà soát, quy hoạch và bố trí quỹ đất đủ điều kiện để hình thành khu tái định cư tập trung; lập hoặc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất theo quy định, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đạt chuẩn, tạo quỹ đất ở ổn định, lâu dài cho người dân khi di dời.

- Về thứ tự ưu tiên thực hiện: Ưu tiên di dời trước đối với các hộ dân đang sinh sống trong khu vực đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là khu vực khẩn cấp, có nguy cơ rất cao xảy ra thiên tai, sạt lở đất, lũ quét, ngập lụt sâu, sụt lún hoặc đã bị ảnh hưởng trực tiếp, nghiêm trọng do thiên tai gây ra, không còn bảo đảm điều kiện an toàn để tiếp tục sinh sống. Sau đó tiếp tục tổ chức di dời theo lộ trình đối với các hộ dân đang sinh sống tại khu vực có nguy cơ cao về thiên tai, có khả năng bị ảnh hưởng trung và dài hạn, nhằm chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại, hạn chế tối đa việc phải di dời bị động, khẩn cấp khi thiên tai xảy ra.

2. Tập trung nguồn lực để xây dựng nhà ở, bàn giao cho dân theo hình thức “chìa khóa trao tay”. Các khoản hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Sinh kế bền vững: Triển khai đào tạo nghề, chuyển đổi cây trồng – vật nuôi phù hợp điều kiện khu tái định cư; hỗ trợ vay vốn sản xuất để tạo việc làm, tăng thu nhập và kết nối doanh nghiệp nhằm tạo việc làm ổn định cho Nhân dân.

4. Quản lý đất sau di dời: Quy hoạch sử dụng đất khu vực nguy hiểm (*nơi ở cũ*) sau thu hồi phù hợp với quy hoạch của địa phương (*trồng cây xanh, công trình công cộng, vùng đệm phòng chống thiên tai, ...*), thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, thu hồi, tháo dỡ nhà ở tại nơi bị thiên tai đe dọa; nghiêm cấm người dân quay về chiếm dụng nơi ở cũ.

V. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

Tổ chức di dời khẩn cấp về thiên tai tại 16 khu vực (13 dự án tập trung, 03 phương án xen ghép) với 1.858 hộ cần phải di dời. Tổng kinh phí dự kiến: 2.108,505 tỷ đồng, bao gồm: kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng 713.975 triệu đồng; kinh phí hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân 258.448 triệu đồng; kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng (nơi ở cũ và nơi tái định cư mới) 1.136.081 triệu đồng. Trong đó:

a) Địa bàn phía Đông tỉnh Gia Lai: Có 09 khu vực (07 dự án tập trung, 02 phương án xen ghép) với 905 hộ cần di dời. Tổng kinh phí dự kiến: 1.233,199 tỷ đồng.

b) Địa bàn phía Tây tỉnh Gia Lai: Có 07 khu vực (06 dự án tập trung và 01 phương án xen ghép), với 953 hộ cần di dời. Tổng kinh phí dự kiến: 875,306 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

2. Nội dung, giải pháp thực hiện

2.1. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng

- Đối với các dự án đã đầu tư cơ sở hạ tầng: Tiếp tục rà soát hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đảm bảo an toàn và đảm bảo điều kiện sống tối thiểu cho người dân.

- Đối với các dự án chưa đầu tư cơ sở hạ tầng

+ Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí ổn định dân cư tập trung theo dự án được duyệt, bao gồm các hạng mục: Bồi thường, giải phóng mặt bằng (*nếu có*); san lấp mặt bằng đất ở tại điểm tái định cư; khai hoang đất sản xuất (*đối với khai hoang tập trung*); đường giao thông (*nội vùng dự án và đường nối điểm dân cư mới đến tuyến giao thông gần nhất*); thủy lợi, điện sinh hoạt, nước sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác.

+ Khởi công mới các dự án bảo đảm tính khả thi về thủ tục đầu tư và giải ngân theo quy định. Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu tại khu tái định cư nhằm đảm bảo điều kiện an toàn, ổn định và phát triển lâu dài cho người dân sau di dời.

+ Đảm bảo kết nối giao thông và đảm bảo điều kiện sống tối thiểu (*điện, nước, giao thông, trường học, y tế, sinh hoạt cộng đồng...*) tương đương hoặc tốt hơn nơi ở cũ.

2.2. Về đất đai

- Thực hiện cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện di dời, bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai theo Quyết định số 73/2025/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh.

- Các địa phương rà soát quỹ đất hiện có trên địa bàn để bố trí dự án đảm bảo phù hợp với các quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan, đáp ứng yêu cầu về đất ở.

- Căn cứ quy định của pháp luật về đất đai và các quy định của pháp luật liên quan, các địa phương có biện pháp giao đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án bố trí ổn định dân cư, đảm bảo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế, tập quán ở địa phương. Thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất ở đối với các hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Việc giao đất thực hiện theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng.

- Giao đất đã được san nền, có hệ thống hạ tầng cơ bản (*đường, điện, nước, thoát nước*) và được xây nhà theo mẫu quy định.

- Quy hoạch sử dụng đất khu vực nguy hiểm (*nơi ở cũ*) sau thu hồi phù hợp với quy hoạch của địa phương (*trồng cây xanh, công trình công cộng, vùng đệm phòng chống thiên tai,...*), thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, thu hồi, tháo dỡ nhà ở tại nơi bị thiên tai đe dọa; nghiêm cấm người dân quay về chiếm dụng nơi ở cũ.

- Hình thức giao đất ở: Giao đất ở ổn định lâu dài; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ sau khi hoàn thành hạ tầng và bàn giao thực địa, nhà ở mới. Đồng thời bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, tháo dỡ nhà ở tại nơi bị thiên tai đe dọa theo quy định.

2.3. Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân (tạm tính mức hỗ trợ 139,1 triệu đồng/hộ): Thực hiện theo quy định tại điểm a, c, d, đ, e khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh; cụ thể:

a) Hỗ trợ nhà ở

- Tập trung nguồn lực của Nhà nước và cộng đồng (*ngân sách trung ương, địa phương; huy động xã hội hóa từ các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân; đối ứng của hộ gia đình, cá nhân,...*) tổ chức xây dựng trực tiếp nhà ở và đồng thời hoàn thành công trình hạ tầng thiết yếu nơi ở mới (*điện, nước, đường giao thông nội vùng, công trình phúc lợi...*).

- Nhà ở được xây dựng hoàn chỉnh theo mẫu hướng dẫn, đảm bảo an toàn, phù hợp quy hoạch và tập quán sinh hoạt. Sau khi hoàn thiện, chính quyền tổ chức bàn giao nhà và đất ở cho người dân đến sinh sống ổn định chỗ ở lâu dài, an toàn và bền vững.

- Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 60 triệu đồng/nhà, huy động kinh phí xã hội hoá, đối ứng của người dân và từ nguồn vốn hợp pháp khác.

b) Hỗ trợ di dời

- Hỗ trợ di dời nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân phải di dời khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ thiên tai theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và hỗ trợ sau khi hoàn thành việc di dời nhà ở.

- Mức hỗ trợ: 30 triệu đồng/hộ.

c) Hỗ trợ lương thực

- Hỗ trợ lương thực cho hộ gia đình, cá nhân chưa tự túc được lương thực trong 03 tháng đầu tại nơi tái định cư.

- Mức hỗ trợ: 15kg gạo thường/người/tháng hoặc bằng tiền mặt tương ứng với giá trị 15 kg gạo thường tại thời điểm hỗ trợ (*tạm tính 3,6 triệu đồng/hộ, dự kiến 04 nhân khẩu/hộ và sẽ hỗ trợ thực tế theo số nhân khẩu*).

d) Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế bền vững nơi ở mới

- Hỗ trợ tập huấn, hướng dẫn quy trình kỹ thuật canh tác, ứng dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm cho người sản xuất phù hợp với điều kiện từng vùng, nơi ở mới.

- Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi,

cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất (*phương thức hỗ trợ: bằng tiền mặt hoặc hiện vật*). Hỗ trợ vay vốn tín dụng chính sách và vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định hiện hành.

- Hỗ trợ xây dựng vùng sản xuất trồng trọt, chăn nuôi theo hình thức liên kết chuỗi giá trị bền vững.

- Hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho Nhân dân tại nơi ở mới nhằm tạo việc làm bền vững, giảm nguy cơ tái nghèo sau tái định cư. Chuyển đổi cơ cấu lao động từ sản xuất nông nghiệp sang ngành nghề phù hợp với điều kiện vùng mới.

- Mức hỗ trợ phát triển sản xuất: 20 triệu đồng/hộ.

đ) Hỗ trợ khai hoang (nếu có)

- Hỗ trợ khai hoang đất sản xuất đối với hộ gia đình, cá nhân có điều kiện khai hoang (*địa bàn bố trí, ổn định dân cư còn quỹ đất sản xuất cấp cho hộ gia đình, cá nhân khai hoang*), quỹ đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt và sau khi hoàn thành việc khai hoang.

- Mức hỗ trợ: 22,5 triệu đồng/hộ.

e) Hỗ trợ nước sinh hoạt

- Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân tại những nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung bằng các vật dụng chứa nước (*bồn, téc, lu,...*) làm bằng các vật liệu kim loại, nhựa có dung tích từ 500 lít trở lên; ống dẫn nước; tự làm bể chứa nước dung tích tối thiểu 500 lít; tự đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước phục vụ sinh hoạt.

- Mức hỗ trợ: 03 triệu đồng/hộ.

VI. TIẾN ĐỘ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Đã cơ bản hoàn thành phê duyệt quy hoạch chi tiết và phê duyệt phương án đền bù, giải phóng mặt bằng khu tái định cư.

- Trước 28/02/2026: Hoàn thiện thủ tục đầu tư.

- Trước 28/02/2026: Hoàn thành giải phóng mặt bằng khu tái định cư và bàn giao mặt bằng sạch cho đơn vị thi công.

- Trước 31/3/2026: Hoàn thành thi công hạ tầng thiết yếu (Tổ chức thi công ngay sau khi có mặt bằng sạch).

- Về bố trí tái định cư: Việc bố trí, sắp xếp tái định cư được triển khai theo lộ trình, phù hợp với khả năng huy động, cân đối các nguồn kinh phí và tiến độ hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của từng khu tái định cư. Trên cơ sở hạ tầng được hoàn thiện, ưu tiên bố trí trước cho các hộ dân thuộc nhóm có nguy cơ cao; các hộ còn lại được bố trí theo lộ trình phù hợp với khả năng huy động, cân đối nguồn lực và tiến độ triển khai thực tế của từng dự án, phương án, cụ thể:

- + Năm 2026: Dự kiến bố trí tái định cư cho khoảng **980 hộ** dân thuộc nhóm có nguy cơ cao.

+ Giai đoạn 2027-2030: Tiếp tục bố trí tái định cư cho **878 hộ** còn lại theo khả năng huy động và cân đối các nguồn kinh phí

VII. DỰ TOÁN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Tổng kinh phí dự kiến: **2.108,505 tỷ đồng**. Trong đó, tổng kinh phí dự kiến thực hiện năm 2026: **1.509,1 tỷ đồng**, gồm: kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng: 713,975 tỷ đồng; kinh phí hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân: 136,318 tỷ đồng; kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng (nơi ở cũ và nơi tái định cư mới): 658,807 tỷ đồng.

2. Nguồn kinh phí: Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương triển khai phương án di dời, bố trí dân cư ra khỏi vùng xảy ra thiên tai, vùng có nguy cơ thiên tai.
- Hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách liên quan đến bố trí, ổn định dân cư vùng thiên tai.
- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình và tiến độ triển khai hằng tuần; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc.

2. Sở Xây dựng

- Chủ trì xây dựng và hướng dẫn về công tác lập quy hoạch và thẩm định quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết; hướng dẫn quy mô dự án, chỉ tiêu xây dựng cụ thể các dự án; xây dựng và hướng dẫn áp dụng mẫu nhà an toàn phòng, chống thiên tai, gửi các Ban Quản lý dự án và các địa phương để triển khai thống nhất. Chủ trì thẩm định dự án theo quy định.
- Tổ chức kiểm tra chất lượng công trình nhà ở, hạ tầng tại các khu tái định cư.

3. Sở Tài chính

Chủ trì rà soát hướng dẫn các thủ tục đầu tư, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định nhu cầu kinh phí; tham mưu bố trí, cân đối nguồn vốn để triển khai 16 dự án, phương án theo đúng quy định; hướng dẫn thanh toán, quyết toán, bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, kịp thời và hiệu quả.

4. Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai

- Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh: Làm chủ đầu tư, tổ chức triển khai thực hiện 07 dự án tập trung và 02 phương án xen ghép tại khu vực phía Đông tỉnh; chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ, chất lượng và hiệu quả đầu tư.

- Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai: Làm chủ đầu tư, tổ chức triển khai thực hiện 06 dự án tập trung và 01 phương án xen ghép tại khu vực phía Tây tỉnh; chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ, chất lượng và hiệu quả đầu tư.

- Nhiệm vụ chung của 02 Ban Quản lý dự án:

- + Tổ chức lập và trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư theo quy trình của công trình xây dựng khẩn cấp, bảo đảm đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo đúng quy định pháp luật.

- + Triển khai thi công xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế – quy hoạch được phê duyệt. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, chất lượng và khối lượng thi công; kịp thời báo cáo, đề xuất biện pháp xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- + Chủ trì phối hợp chặt chẽ với UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị liên quan và các nhà tài trợ tổ chức thực hiện. Đảm bảo dự án được triển khai đúng kế hoạch, đúng quy định, đạt yêu cầu về tiến độ, chất lượng và hiệu quả đầu tư.

- + Tổ chức nghiệm thu, hoàn thiện hồ sơ hoàn công và bàn giao các hạng mục công trình, hạ tầng kỹ thuật sau khi hoàn thành cho địa phương theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, đảm bảo việc bàn giao diễn ra đúng quy định.

- + Định kỳ, thứ Tư hàng tuần tổng hợp báo cáo tiến độ, khó khăn, vướng mắc về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, xử lý kịp thời.

5. Các sở, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp các địa phương triển khai thực hiện Phương án này.

6. Trân trọng đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể của tỉnh

- Phát động phong trào “Toàn dân hỗ trợ đồng bào vùng thiên tai”, huy động nguồn lực xã hội hóa, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cung cấp nhu yếu phẩm, vật liệu xây dựng, dụng cụ sinh hoạt,... để giúp hộ dân ổn định, phát triển bền vững.

- Phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức thăm hỏi, động viên, hướng dẫn người dân ổn định nơi ở mới.

7. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

- Chủ động bố trí nguồn vốn tín dụng chính sách theo các chương trình hiện hành như: Cho vay hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo; Cho vay giải quyết việc làm; Cho vay hộ dân tộc thiểu số; Cho vay phát triển sản xuất tại khu vực khó khăn; Các chương trình tín dụng đặc thù do Chính phủ hoặc tỉnh giao,...

- Hướng dẫn thủ tục và tạo điều kiện vay vốn:

- + Hướng dẫn hộ dân hồ sơ, thủ tục vay vốn theo quy định, đảm bảo đơn giản, thuận tiện.

+ Phối hợp với tổ chức hội – đoàn thể nhận ủy thác để tổ chức bình xét công khai, đúng quy trình.

+ Tạo điều kiện để hộ tái định cư được tiếp cận vốn, nhất là hộ nghèo, hộ yếu thế, hộ chưa có tài sản thế chấp.

8. Các xã, phường có dự án, phương án

a) Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh về: tiến độ giải phóng mặt bằng; tiến độ di dời dân; bảo đảm an ninh trật tự khu vực thi công; không để xảy ra khiếu kiện kéo dài, làm chậm tiến độ chung của toàn tỉnh.

b) Hoàn thành xác định vị trí, ranh giới; điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện quy hoạch các khu vực tái định cư và tổ chức bàn giao vị trí, ranh giới thực hiện dự án, phương án cho các Ban Quản lý dự án.

c) Hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng đối với toàn bộ 16 dự án, phương án đảm bảo tiến độ đề ra.

d) Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt phương án bố trí ổn định dân cư xen ghép theo quy định và theo ủy quyền của UBND tỉnh.

đ) Phối hợp trực tiếp với các Ban Quản lý dự án và các đơn vị thi công, bảo đảm điều kiện thi công thông suốt, liên tục tại từng dự án; kịp thời xử lý hoặc báo cáo ngay (trong vòng 24 giờ) các khó khăn phát sinh về:

- Giải phóng mặt bằng, tranh chấp đất đai, mốc giới;
- Vận chuyển vật liệu, mở đường công vụ;
- Huy động lực lượng hỗ trợ thi công;

- Tổ chức vận động, tuyên truyền người dân chấp hành di dời, không quay lại khu vực nguy hiểm; xử lý nghiêm các trường hợp cố tình vi phạm, cản trở thi công.

e) Bố trí lực lượng hỗ trợ thi công và di dời gồm: Dân quân tự vệ, công an xã, đoàn thể... để hỗ trợ đơn vị thi công trong mở đường, vận chuyển vật liệu, hỗ trợ hộ dân dọn dẹp, di chuyển tài sản.

g) Rà soát, phân loại đối tượng theo mức độ rủi ro, mức độ ảnh hưởng và điều kiện thực tế; lập danh sách, kế hoạch di dời theo từng đợt, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định, đồng thời gắn chặt với tiến độ đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, nhà ở tại các khu tái định cư, bảo đảm người dân được bố trí nơi ở mới an toàn, ổn định, trước khi thực hiện di dời khỏi nơi ở cũ.

h) Chủ trì, phối hợp với Chủ đầu tư bàn giao nhà ở cho người dân sau khi hoàn thành.

l) Báo cáo định kỳ vào thứ Tư hàng tuần, gửi về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường).

Trên đây Phương án Bố trí, ổn định dân cư khẩn cấp vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc

báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, chỉ đạo xử lý kịp thời. / 

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh uỷ (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: TC, NN và MT, DT và TG, YT, XD, NV, GD và ĐT;
- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn, Tập đoàn đèo cả, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tập đoàn Sơn Hải;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách XH tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, N6. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Tuấn Thanh



Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN ĐÓ TRÚ ỒN ĐÌNH DÂN CƯ KHÀN CẤP VÙNG THIÊN TÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Kèm theo Phương án số **02** /PA-UBND ngày **25/02** /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

DVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án, phương án	Địa điểm bị thiên tai (nơi ở cũ)	Địa điểm xây dựng dự án TĐC (nơi ở mới)	Đầu tư CSHT	Diện tích (ha)	Quy mô (b)	Số hộ cần phải di dời	Trong đó:		Tổng vốn dự kiến	Trong đó:					Hình thức bố trí
								Năm 2026	Giải đoạn 2027-2030		Kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng	Kinh phí hỗ trợ hệ gia đình, cá nhân	Đền bù, bồi thường GPMB	Bao gồm:		
														Nơi ở cũ (vùng thiên tai)	Nơi ở mới (vị trí tái định cư)	
	TỔNG SỐ 16 DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN					2.261	1.858	980	878	2.108.505	713.975	258.448	1.136.081	1.013.625	122.456	-
1	Phía Đông tỉnh Gia Lai (09 dự án, phương án)					1.308	905	390	515	1.233.199	203.287	125.886	904.026	867.176	36.850	
1	Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Cát Tiến	Thôn Trung Lương, thị trấn Cát Tiến	Thôn Trung Lương, xã Cát Tiến	Dự án chuyển tiếp, đã được đầu tư cơ sở hạ tầng	8,80	118	61	30	31	138.485	-	8.485	130.000	130.000		Tập trung
2	Dự án TĐC di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Cấm, thôn Chánh Thắng, xã Cát Tiến (giai đoạn 1)	Thôn Chánh Thắng, xã Cát Tiến	Thôn Chánh Thắng, xã Cát Tiến	Dự án chuyển tiếp, đã được đầu tư cơ sở hạ tầng	3,20	64	64	64	-	106.902	-	8.902	98.000	98.000		Tập trung
3	Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Phú Mỹ Đông (xã Mỹ An trước sắp xếp) giai đoạn 2	Thôn Xuân Thành và Xuân Thành Nam, xã Mỹ An	thôn Xuân Bình, xã Phú Mỹ Đông	Đã được đầu tư cơ sở hạ tầng, đã bố trí GPMB, để nghị bổ sung kinh phí đầu tư hệ thống điện chiếu sáng công cộng	8,25	250	147	57	90	21.648	1.200	20.448	-	chưa kiểm đếm, chưa xác định		Tập trung
4	Dự án TĐC vùng thiên tai xã Phú Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước sắp xếp)	Thôn 8, thôn 9 xã Mỹ Thắng	thôn 9, xã Phú Mỹ Đông	Dự án tập trung mở mới, chưa đầu tư CSHT	14,15	271	220	55	165	270.802	85.000	30.602	155.200	145.200	10.000	Tập trung
5	Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Phú Mỹ Bắc (xã Mỹ Đức trước sắp xếp)	Thôn Phú Hòa, xã Mỹ Đức	Thôn Tân Phú, xã Phú Mỹ Bắc	Dự án chuyển tiếp, đã được đầu tư cơ sở hạ tầng (để nghị BS cấp nước sinh hoạt, cải tạo hệ thống thoát nước mưa, hoàn thiện hệ thống đường GT nội bộ bao gồm bỏ vỉa và vỉa hè)	6,30	200	73	73	-	208.618	12.100	10.154	186.364	186.364		Tập trung
6	Dự án TĐC vùng thiên tai thôn Trà Công, xã An Hòa (giai đoạn 1+2)	Khu vực Núi Đà thuộc thôn Trà Công, xã An Hòa	Thôn Trà Công, xã An Hòa	Đang đầu tư CSHT	11,35	232	208	30	178	270.275	80.131	28.933	161.211	148.512	12.699	Tập trung
6.1	Dự án TĐC vùng thiên tai thôn Trà Công, xã An Hòa (giai đoạn 1)	Khu vực Núi Đà thuộc thôn Trà Công, xã An Hòa	Thôn Trà Công, xã An Hòa	Đang triển khai thi công xây dựng	4,08	78	78	30	48	66.542	-	10.850	55.692	55.692		
6.2	Dự án TĐC vùng thiên tai thôn Trà Công, xã An Hòa (giai đoạn 2)	Khu vực Núi Đà thuộc thôn Trà Công, xã An Hòa	Thôn Trà Công, xã An Hòa	Dự án môi hoàn toàn	7,27	154	130	-	130	203.733	80.131	18.083	105.519	92.820	12.699	
7	Dự án TĐC di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Gành, thôn Đức Phở 1, xã Đê Gi (giai đoạn 2)	Khu vực Núi Gành, thôn Đức Phở 1, xã Cát Mảnh	Xã Đê Gi	Chưa đầu tư CSHT	4,75	107	66	15	51	162.288	24.856	9.181	128.251	114.100	14.151	Tập trung
8	Phương án di dời các hộ thuộc khu vực phía Đông đường ven biển, thôn An Quang Đông, xã Đê Gi	Khu vực phía Đông đường ven biển, thôn An Quang Đông, xã Đê Gi	Khu TĐC An Quang, thôn An Quang Đông, xã Đê Gi	Khu TĐC An Quang (Do Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh quản lý)	2,40	24	24	24	-	28.338	-	3.338	25.000	25.000		Xen ghép

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: Tạm tính mức hỗ trợ bố trí ổn định, cả nhân vùng thiên tai theo hình thức bố trí dân cư tập trung, xen ghép: 139,1 triệu đồng/nhà (sẽ thay đổi theo thực tế), trong đó:

- + Hỗ trợ di dời 30 triệu đồng/nhà,
- + Hỗ trợ nhà ở 60 triệu đồng/nhà,
- + Nước sinh hoạt (tại những nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung) 03 triệu đồng/nhà,
- + Khai hoang (nếu có) 22,5 triệu đồng/nhà,
- + Lương thực 3,6 triệu đồng/nhà (tạm tính 3,6 triệu đồng/nhà, dự kiến 04 nhân khẩu/nhà và sẽ hỗ trợ thực tế theo số nhân khẩu),
- + Hỗ trợ phát triển sản xuất 20 triệu đồng/nhà.